

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 6336 /UBND-KT

V/v danh mục các dự án ưu tiên
kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực nông
lâm ngư nghiệp tỉnh Bình Định,
giai đoạn 2016-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 20 tháng 11 năm 2017

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện Văn bản số 8210/BNN-QLDN ngày 02/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xây dựng danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp, UBND tỉnh Bình Định có ý kiến như sau:

1. Ngày 20/10/2014, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 3480/QĐ-UBND, theo đó đã ban hành 23 danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2014 - 2020 của tỉnh Bình Định (chi tiết có phụ lục 01 kèm theo).

2. Theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 8210/BNN-QLDN ngày 02/10/2017, UBND tỉnh Bình Định bổ sung 15 danh mục ưu tiên đầu tư, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật : 05 nội dung;
- Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y : 03 nội dung;
- Lĩnh vực Thủy sản : 02 nội dung;
- Lĩnh vực Thủy lợi, Nước sạch và VSMTNT : 04 nội dung;
- Lĩnh vực Lâm nghiệp : 01 nội dung.

(Chi tiết có phụ lục 02 kèm theo)

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét
tổng hợp./. *VB*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở: NN&PTNT, KH&ĐT;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K13 *VB*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu
Trần Châu

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC NÔNG LÂM NGƯ NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2014-2020 CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3480/QĐ-UBND NGÀY 20/10/2014
*(Kèm theo Văn bản số: **6336** /UBND-KT ngày **20**/11/2017 của UBND tỉnh Bình Định)*

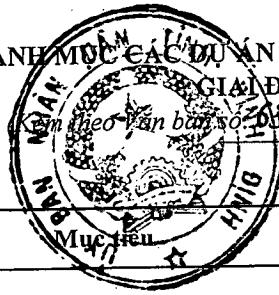
STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	MỤC TIÊU	QUY MÔ, CÔNG SUẤT	VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	THỜI GIAN ĐẦU TƯ
I	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung					
1	Phát triển chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt chất lượng cao.	Huyện: Văn Canh, Vĩnh Thạnh	Sản xuất và cung ứng bò giống, thịt bò; góp phần giải quyết việc làm cho nông dân tại địa phương	Tổng đàn 300 con; trong đó bò cái sinh sản 150 con. Công suất: 120 con bê giống/năm, 45 tấn thịt bò.	15	2015-2020
2	Chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung	Các huyện	Nâng cao chất lượng, số lượng gia súc, gia cầm; phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường khu dân cư	Công suất: 8-9 ngàn con gia súc; 300 - 400 ngàn con gia cầm	50	2015-2020
3	Nuôi tôm ứng dụng Công nghệ cao	Huyện: Phù Cát, Phù Mỹ	Áp dụng tiến bộ vào sản xuất, nâng cao chất lượng, giá trị nuôi tôm thẻ chân trắng, tăng hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập; tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu tôm thương phẩm chất lượng cao	400 ha	70	2015-2020
II	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung					
1	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp, công nghệ hiện đại	Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, các huyện: Tuy Phước, , Phù Cát, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh	Nhằm quản lý và ngăn ngừa có hiệu quả việc lây lan dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và nâng cao hiệu quả trong ngành chăn nuôi.	Quy mô: 7 cơ sở Công suất: Giết mổ gia súc 200- 400 con /ngày đêm; giết mổ gia cầm 2.000 con/ngày đêm	70	2015-2020
III	Sản xuất, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản					
1	Sản xuất, chế biến dầu dừa tinh khiết tiêu thụ nội địa và xuất khẩu	Huyện: Hoài Nhơn, Phù Mỹ	Đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ quả dừa	Quy mô: vùng nguyên liệu 5.000 ha, Công suất: 1 triệu lít/tháng	50	2015-2020
2	Sản xuất, chế biến ớt tiêu thụ nội địa và xuất khẩu	Huyện: Phù Mỹ, Phù Cát	Nâng cao giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ớt, đẩy mạnh chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng	Vùng nguyên liệu 1.000 ha	15	2015-2020

Uly

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	MỤC TIÊU	QUY MÔ, CÔNG SUẤT	VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	THỜI GIAN ĐẦU TƯ
I	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung					
2	Sản xuất, chế biến ớt tiêu thụ nội địa và xuất khẩu	Huyện: Phù Mỹ, Phù Cát	Nâng cao giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ớt, đẩy mạnh chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng	Vùng nguyên liệu 1.000 ha	15	2015-2020
3	Chuỗi chế biến và tiêu thụ ngô, sản từ nguyên liệu địa phương	Toàn tỉnh	Đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngô, sản	Vùng nguyên liệu 6.000-8.000 ha	80	2015-2020
4	Sản xuất rau hoa quả cao cấp	Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh	Phát triển kinh tế tăng thu nhập cho người dân	10 ha	10	2015-2020
5	Chế biến các sản phẩm nông nghiệp	Huyện: Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước	Nâng cao giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đẩy mạnh chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng	Tùy thuộc vào dự án	50	2015-2020
6	Liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống chất lượng cao gắn với xây dựng cánh đồng mẫu lớn	Thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước	Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và cung ứng lúa giống chất lượng cao, tăng hiệu quả sản xuất, cải thiện đời sống của nông dân; tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu lúa giống chất lượng cao	Quy mô: 30-40 ha/cánh đồng; 4-6 cánh đồng/năm/huyện, Công suất: 65-70 tạ/ha	3	2015-2020
7	Chuỗi khai thác, bảo quản và chế biến xuất khẩu cá ngừ đại dương	Huyện Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn	Nâng cao giá trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cá ngừ đại dương	Tùy thuộc vào dự án	100	2015-2020
8	Chuỗi cung ứng nguyên liệu giấy, gỗ	Toàn tỉnh	Phát triển vùng nguyên liệu theo hướng tập trung, thâm canh, gắn hiệu quả kinh tế với phát triển bền vững, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến dăm gỗ được quy hoạch hoạt động ổn định, có hiệu quả.	Tùy thuộc vào dự án	100	2015-2020
9	Nhà máy chế biến các sản phẩm từ dừa	Huyện: Hoài Nhơn, Phù Mỹ	Chế biến các sản phẩm từ dừa	5.000 tấn sản phẩm/năm	40	2014-2020
10	Nhà máy sản xuất Dầu thực vật	Huyện: Hoài Nhơn, Phù Mỹ	Chế biến dầu thực vật (dầu dừa, dầu phộng, dầu mè...)	20.000 tấn sản phẩm/năm	50	2014-2020

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	MỤC TIÊU	QUY MÔ, CÔNG SUẤT	VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	THỜI GIAN ĐẦU TƯ
I Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung						
11	Nhà máy chế biến phân bón vi sinh phục vụ nông nghiệp	Các huyện	Sản xuất phân bón vi sinh	10.000 tấn/năm	30	2014-2020
12	Nhà máy chế biến các sản phẩm thủy sản	Huyện: Hoài Nhơn, Phù Cát	Nâng cao giá trị sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thủy, hải sản	Tùy thuộc vào dự án	100	2015-2020
13	Nhà máy sản xuất ván dăm, ván ép và ván MDF	Các khu, cụm công nghiệp	Sản xuất ván dăm, ván ép và MDF phục vụ sản xuất sản phẩm nội thất	20.000 - 30.000 m ³ sản phẩm/năm	50	2014-2020
14	Nhà máy sản xuất ván ghép thanh và sản phẩm nội thất từ ván ghép thanh	Các khu, cụm công nghiệp	Sản xuất ván ghép và sản phẩm nội thất từ ván ghép thanh	50.000 m ³ sản phẩm/năm	50	2014-2020
15	Nhà máy sản xuất sợi visco	Huyện: Tây Sơn	Sản xuất sợi visco	10.000 tấn sản phẩm/năm	500	2016-2020
IV Trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây dược liệu						
1	Trồng cây dược liệu dưới tán rừng	Huyện An Lão	Tăng thu nhập cho hộ nhân khoán; góp phần khôi phục tính đa dạng sinh học, hạn chế khai thác từ tự nhiên nhằm bảo tồn nguồn gen thảo dược; tạo độ ẩm, hạn chế cháy rừng, xói mòn và tăng hệ số sử dụng đất lâm nghiệp một cách bền vững.	Tùy thuộc vào dự án	40	2015-2020
2	Trồng rừng gắn với trồng cây dược liệu dưới tán rừng (trong đó có cây tre)	Xã: Vĩnh Kim, Vĩnh Sơn, Vĩnh Hảo, Vĩnh Hoà, Thị trấn Vĩnh Thạnh huyện Vĩnh Thạnh	Tăng độ che phủ rừng, gắn phát triển kinh tế và bảo vệ đầu nguồn sông Côn	Trồng rừng: 1300 ha; Trồng cây dược liệu dưới tán rừng: 500 ha.	39	2015-2020
V Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp						
1	Nâng cấp và đầu tư mới cơ sở đóng tàu thuyền bằng vật liệu sắt, composit...có công suất từ 400 CV trở lên	Huyện: Phù Cát, Hoài Nhơn	Nhằm hiện đại hóa nghề cá theo Quyết định 1690/QĐ- TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ	150-200 chiếc/năm	150-240	2015-2020
2	Nhà máy chế tạo máy nông nghiệp và các phụ tùng cơ khí phục vụ sản xuất chế biến nông lâm thủy sản	Khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Máy nông nghiệp và phụ tùng cơ khí	200.000 sản phẩm/năm	300	2014-2020

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC NÔNG LÂM NGƯ NGHIỆP
GIẢI ĐOẠN 2016-2020 CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH
(theo Văn bản số 3636 /UBND-KT ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Bình Định)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án đầu tư	Mục tiêu	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô dự án	Thời gian thực hiện	Vốn đầu tư	Địa chỉ liên hệ
I	Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật						
1	Phát triển sản xuất giống trong lĩnh vực nông nghiệp	Nâng cao quy mô diện tích, sản lượng sản xuất các loại giống sản xuất và tiêu thụ trên thị trường lĩnh vực nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản)	7 huyện, thị (trừ TP Quy Nhơn và 3 huyện miền núi)	10.000 ha	2014-2020	10.000	Sở NN&PTNT
2	Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nâng cao năng suất, chất lượng, tăng giá trị gia tăng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững	Toàn tỉnh (trừ 03 huyện miền núi)	Lúa giống, lúa CLC, lạc, rau an toàn...	2015-2020	186.775	Sở NN&PTNT
3	Phát triển vùng nguyên liệu mía thâm canh	Nâng cao hiệu quả sản xuất mía, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của nhà máy chế biến đường Bình Định	Tây Sơn, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Nhơn, Phù Cát	4.500 ha	2011-2020	3.000	Cty Cổ phần Đường Bình Định
4	Sản xuất và chế biến các sản phẩm từ dừa	Trồng các giống mới, cho năng suất, chất lượng cao, tổ chức sản xuất các mặt hàng mỹ nghệ, tiêu dùng và sử dụng trực tiếp từ dừa lấy nước đáp ứng nhu cầu của thị trường,	Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát	9.200 ha	2015-2020	300 (vốn lập đề án)	Sở NN&PTNT
5	Đầu tư sản xuất và nâng cao chất lượng cây Mai vàng	Xây dựng, phát triển cây Mai vàng An Nhơn thành sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của Bình Định; phát huy hiệu quả du lịch làng nghề, nâng cao thu nhập cho người dân	An Nhơn	300-450 ha	2017-2020	1.000	Sở NN&PTNT
II	Lĩnh vực Thủy sản						
1	Đầu tư nuôi cá lồng biển	Hình thành vùng nuôi lồng biển tập trung	Quy Nhơn, Phù Mỹ	60 lồng	2018- 2020	60.000	Sở NN&PTNT
2	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy, hải sản CLC	Thu mua, tiêu thụ lượng thủy, hải sản từ nuôi trồng, khai thác của tỉnh để chế biến, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, ổn định giá mua vào và nâng cao thu nhập ngư dân	Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và TP Quy Nhơn	Theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP	2018- 2020	20.000	Sở NN&PTNT
III	Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y						
1	Đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và cấp đông thịt.	Cung cấp thịt an toàn thực phẩm phục vụ người tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và hướng đến xuất khẩu	Các huyện, thị xã, thành phố theo QĐ đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt	Theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP	2018	15.000	Sở NN&PTNT

Handwritten signature

TT	Tên dự án đầu tư	Mục tiêu	Địa điểm thực hiện dự án	Quy mô dự án	Thời gian thực hiện	Vốn đầu tư	Địa chỉ liên hệ
2	Đầu tư xây dựng nhà máy giết mổ, sản xuất, chế biến các sản phẩm thịt con vật nuôi (heo, bò, gia cầm)	Cung cấp thịt an toàn thực phẩm phục vụ người tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và hướng đến xuất khẩu	Các huyện, thị, thành phố có điều kiện	Theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP	2018- 2020	25.000	Sở NN&PTNT
3	Xây dựng Trung tâm mua, bán tiêu thụ thịt heo tại Hoài Ân	Thu mua toàn bộ lượng heo thịt của nông dân tại Hoài Ân, ổn định giá mua vào và nâng cao thu nhập ngư dân	Huyện Hoài Ân	Theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP	2018- 2020	5.000	Sở NN&PTNT
IV	Lĩnh vực thủy lợi, Nước sạch và VSMT nông thôn						
1	Cấp nước sinh hoạt các xã ven biển huyện Phù Mỹ	Bảo đảm cấp nước sạch cho nhân dân và các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, trạm Y tế, trường học trong vùng nắng hạn. Tổng số người hưởng lợi/khoảng 72.000 nhân khẩu	Huyện Phù Mỹ	Công suất nhà máy 8.000m ³ /ngày/đêm; xây dựng hệ thống ống dẫn nước, ống phân phối nước đến hộ gia đình.	2018- 2020	140.000	Sở NN&PTNT
2	Cấp nước sinh hoạt xã Tây Phú	Bảo đảm cấp nước sạch cho nhân dân và các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, trạm Y tế, trường học trong vùng nắng hạn. Tổng số người hưởng lợi khoảng 10.000 nhân khẩu	Huyện Tây Sơn	Công suất nhà máy 1.000m ³ /ngày/đêm; xây dựng hệ thống ống dẫn nước, ống phân phối nước đến hộ gia đình.	2018- 2020	12.500	Sở NN&PTNT
3	Cấp nước sinh hoạt xã Bình Thuận	Bảo đảm cấp nước sạch cho nhân dân và các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, trạm Y tế, trường học trong vùng nắng hạn. Tổng số người hưởng lợi khoảng 28.000 nhân khẩu	Huyện Tây Sơn	Công suất nhà máy 3.000m ³ /ngày/đêm; xây dựng hệ thống ống dẫn nước, ống phân phối nước đến hộ gia đình.	2018- 2020	60.000	Sở NN&PTNT
4	Dự án Cấp nước sinh hoạt xã Cát Hải	Bảo đảm cấp nước sạch cho nhân dân và các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, trạm Y tế, trường học trong vùng nắng hạn. Tổng số người hưởng lợi khoảng 13.000 nhân khẩu	Huyện Phù Cát	Công suất nhà máy 1.400m ³ /ngày/đêm; xây dựng hệ thống ống dẫn nước, ống phân phối nước đến hộ gia đình.	2018- 2020	24.000	Sở NN&PTNT
V	Lĩnh vực lâm nghiệp						
1	Đầu tư trồng, sản xuất, chế biến, kinh doanh cây gỗ lớn	Xác lập vùng sản xuất kinh doanh rừng trồng gỗ lớn ổn định; nâng cao giá trị sản xuất rừng trồng và phát triển lâm nghiệp bền vững, đến năm 2025 năng suất rừng trồng gỗ lớn tăng trưởng bình quân trên 25m ³ /ha/năm; tỷ lệ sản lượng gỗ lớn bình quân đạt từ 50 - 60%; nguyên liệu phục vụ cho các nhà máy chế biến gỗ tinh chế trên địa bàn tỉnh đạt trên 50%;	Các huyện có rừng, đất trồng rừng sản xuất và các Công ty, HTX Lâm nghiệp	Diện tích rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ lớn đạt 10.000 ha	2018- 2020	35.000	Sở NN&PTNT